

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DSST

Ngày: 18/6/2020.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Kim Thoa**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Võ Thanh Hải**

2. Bà **Lý Thị Bé Năm**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh An.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: không tham gia.*

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 265/2019/TLST-DS ngày 26/12/2019 về tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐST-DS ngày 21/5/2020 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Khu phố C, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ủy quyền: Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

\* Bị đơn:

1. Bà Trần Thị C, sinh năm 1966. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Nguyễn Phước K, sinh năm 1964. (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Quý Chánh, xã Nhị Quý, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Ông Nguyễn Thanh H là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Ánh N trình bày:

Nguyên trước đây mẹ tôi có tham gia hui cho vợ chồng bà C, ông K làm đầu thảo hui.

- Dây hui 1: Khai ngày 10/5/2014 âm lịch, hui 20.000.000đ, khai mỗi tháng 24 lần, hui có 24 phần, mẹ tôi tham gia 02 phần. Ngày 10/11/2015 âm lịch kỳ thứ 20 mẹ tôi hốt 01 phần được số tiền 426.000.000đ, đến khi mãn hui mẹ tôi còn nợ ông K, bà C 04 kỳ hui chết là 80.000.000đ. Phần hui thứ 2 trong dây hui này mẹ tôi đóng hui sống được 20 kỳ với số tiền 400.000.000đ. Đến kỳ 21 thì bà C và ông K tuyên bố vỡ hui, không tiếp tục đóng nữa.

- Dây hui thứ 2: Hui 20.000.000đ, khai ngày 02/8/2014 âm lịch, có 24 phần, mẹ tôi tham gia 02 phần. Mẹ tôi đóng hui sống của 02 phần được 17 kỳ với số tiền

680.000.000đ. Đến kỳ thứ 18 thì bà C và ông K tuyên bố vỡ hụi, không tiếp tục đóng nữa.

- Dây hụi thứ 3: Hụi 20.000.000đ khai ngày 02/8/2014 âm lịch, 01 tháng khai 01 lần, hụi có 24 phần, mẹ tôi tham gia 02 phần. Mẹ tôi đóng hụi sống của 02 phần hụi được 17 kỳ với số tiền 680.000.000đ. Đến kỳ 18 thì bà C, ông K tuyên bố vỡ hụi, không tiếp tục đóng nữa.

- Dây hụi thứ 4: Hụi 20.000.000đ, khai ngày 15/11/2014 âm lịch, hụi có 24 phần, mẹ tôi tham gia 02 phần. Mẹ tôi đã hốt phần hụi thứ 1 vào ngày 15/11/2015 âm lịch ở kỳ thứ 13 được số tiền 380.500.000đ, đến khi mãn hụi tôi còn nợ ông K, bà C 11 kỳ hụi chết là 220.000.000đ, phần hụi thứ 2 mẹ tôi đóng hụi sống được 13 kỳ với số tiền 260.000.000đ. Đến kỳ thứ 14 thì bà C và ông K tuyên bố vỡ hụi, không còn tiếp tục đóng hụi nữa.

- Dây hụi thứ 5: Hụi 20.000.000đ, khai ngày 15/11/2014 âm lịch, tháng đóng 1 lần, có 24 phần, mẹ tôi tham gia 2 phần, đóng 2 phần hụi sống đến kỳ 13 với số tiền 520.000.000đ, đến kỳ thứ 14 thì bà C, ông K tuyên bố vỡ hụi, không tiếp tục đóng nữa.

- Dây hụi thứ 6: Hụi 10.000.000đ, tháng khai 01 lần, có 24 phần, mẹ tôi tham gia 02 phần, đóng hụi sống 2 phần đến kỳ thứ 13 với số tiền 260.000.000đ, sang kỳ thứ 14 thì bà C, ông K tuyên bố vỡ hụi, không đóng nữa.

- Dây hụi thứ 7: Hụi 10.000.000đ, khai ngày 20/12/2014 âm lịch, tháng khai lần, hụi có 24 phần, mẹ tôi đóng hụi sống của 2 phần được 12 kỳ với số tiền 240.000.000đ. đến kỳ 13 thì bà C, ông K tuyên bố vỡ hụi.

- Dây hụi thứ 8: Hụi 20.000.000đ, khai ngày 10/01/2015 âm lịch, tháng khai lần, hụi có 24 phần, mẹ tôi tham gia 02 phần, đóng hụi sống của 2 phần đến kỳ thứ 11 được số tiền 440.000.000đ. Đến kỳ 12 thì bà C, ông K tuyên bố vỡ hụi.

- Dây hụi thứ 9: Hụi 20.000.000đ, khai ngày 10/02/2015 âm lịch, hụi có 24 phần, mẹ tôi tham gia 02 phần đóng hụi sống của 2 phần đến kỳ thứ 10 được số tiền 400.000.000đ, sang kỳ 11 thì bà C tuyên bố vỡ hụi.

- Dây hụi 10: Hụi 20.000.000đ, khai ngày 02/7/2015 âm lịch, có 24 phần, tháng khai lần, mẹ tôi tham gia 02 phần, đóng hụi sống của 2 phần hụi đến kỳ thứ 5 được số tiền 200.000.000đ, sang kỳ thứ 6 thì bà C, ông K tuyên bố vỡ hụi.

- Dây hụi 11: Hụi 20.000.000đ, khai ngày 10/8/2015 âm lịch, có 24 phần, tháng khai lần, mẹ tôi tham gia 02 phần, đóng hụi sống của 2 phần hụi đến kỳ thứ 3 được số tiền 120.000.000đ, sang kỳ thứ 4 thì bà C, ông K tuyên bố vỡ hụi.

Tổng số tiền mẹ tôi đóng cho bà C, ông K là 4.200.000.000đ, trong đó đã tính phần lời.

Tổng số tiền hụi chết mà mẹ tôi phải đóng cho ông K, bà C là 300.000.000đ. Sau khi trừ thì bà C, ông K còn nợ lại mẹ tôi số tiền 3.900.000.000đ.

Năm 2017 mẹ tôi có đơn tố cáo bà C tại cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh có tiến hành đối chiếu nợ thì bà C thừa nhận nợ mẹ tôi số tiền 2.685.400.000đ, và đã trả cho mẹ tôi số tiền 268.540.000đ, còn nợ lại 2.416.860.000đ (có biên bản làm việc đối chiếu nợ tại Công an tỉnh Tiền Giang mẹ tôi đã nộp cho Tòa lúc khởi kiện). Mặc dù đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng bà C, ông K hèn mà không trả, nên nay tôi yêu cầu bà C, ông K trả cho mẹ tôi số tiền 2.839.800.000đ, trong đó lãi là 422.940.000đ lãi tính từ ngày 12/01/2017 đến 12/12/2019 (tính theo mức lãi suất 0,5%/tháng) và tiền vốn là 2.416.860.000đ. Yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Bị đơn bà Trần Thị C trình bày:

Tôi thừa nhận có nợ bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền hui là 2.416.860.000đ. Đối với số tiền lãi 422.940.000đ tôi yêu cầu bà N không tính lãi với lý do tôi đang gặp hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

\* Bị đơn ông Nguyễn Phước K có đơn xin vắng mặt, nhưng có bản tự khai có ý kiến như sau: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N kiện bà C tôi không đồng ý vì tôi không có tham gia gom gụi, tôi không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì khác.

Ngày 02/3/2020 bà Nguyễn Thị Ánh N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, xin không khởi kiện đối với Nguyễn Phước H và Nguyễn Phước N, chỉ khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị C, ông Nguyễn Phước K phải trả cho bà N số tiền nợ hui như đơn khởi kiện ban đầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N, xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, giữa bà Nguyễn Thị Ánh N và Trần Thị C đã tự nguyện xác lập hợp đồng góp hui, trong đó bà C là chủ hui và bà N là hui viên, đối với 11 dây hui, bà N cung cấp các giấy hui do bà C làm chủ thảo, nội dung giấy hui thể hiện “chị H N” là tên gọi riêng của bà N, bà C cũng thống nhất tên “chị Hồng Nhựt” tức là bà N. Quá trình tham gia chơi hui, bà N đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hui viên là đóng hui cho chủ hui theo thỏa thuận là thực hiện đúng nghĩa vụ của hui viên được quy định tại các điều 16 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biểu, phường. Ngày 11/01/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra – công an tỉnh Tiền Giang tiến hành đối chiếu nợ: bà C còn nợ bà N số tiền nợ hui là 2.985.400.000đ, do trước đó bà N có hót 2 dây hui chết là 300.000.000đ, nên cần trừ còn nợ lại bà N số tiền 2.685.400.000đ và tại đây bà C có trả cho bà N số tiền 268.540.000đ, nên còn bà C còn nợ lại số tiền 2.416.860.000đ. Tại phiên tòa bà C cũng thừa nhận và đồng ý trả cho bà N số tiền nợ hui vốn là 2.416.860.000đ và tiền lãi là 422.940.000đ, lãi tính từ ngày 12/01/2017 đến ngày 12/12/2019, đồng thời bà xin trả dần do không có khả năng trả 01 lần. Đối với yêu cầu ông K liên đới trả nợ cùng bà C thì bà C không đồng ý với lý do ông K không phải là chủ hui, không có tham gia góp hui trong 11 dây hui này.

Bà N và bà C đã thống nhất được số tiền nợ hui bà C nợ bà N tổng cộng vốn và lãi là 2.839.800.000đ, bà C cũng đồng ý trả cho bà N số tiền này, nhưng xin trả dần. Đối với yêu cầu xin trả dần của bà C không được phía ông H là đại diện theo ủy quyền của bà N đồng ý nên HĐXX không thể ghi nhận, còn về yêu cầu bà C và ông K phải liên đới trả số tiền nợ hui này thì ông K có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng có lời khai là không tham gia thu tiền hui, cũng như không liên quan gì đến việc khởi kiện giữa bà N và bà C. Xét thấy, tại phiên tòa bà C khai nhận tại thời điểm nợ hui bà N thì gia đình bà chủ yếu sống bằng nghề tổ chức chơi hui có lãi và hưởng hoa hồng từ hui viên, nên số tiền lãi của việc chơi hui thì chỉ sử dụng chung trong gia đình, bà C và ông K không có chứng cứ nào khác để chứng minh số tiền lãi từ hui bà C sử dụng vào mục đích khác của bà C. Hơn nữa bà C và ông K thời điểm nợ hui của bà N vẫn còn là vợ chồng theo quy định tại Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014 thì xác định nghĩa vụ chung của vợ chồng ông K, bà C đối với số tiền nợ hui của bà N.

Đối với việc bà N có đơn tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với Nguyễn Phước N và Nguyễn Phước H, HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự cũng phù hợp pháp luật nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích như trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ, nên được chấp nhận, buộc vợ chồng ông K, bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền nợ hui là vốn và lãi là 2.839.800.000đ.

[3] Bà Trần Thị C có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, HĐXX có xem xét giảm 50% án phí có giá ngạch cho bà C. Do ông K không có đơn xin giảm án phí nên HĐXX không đặt ra xem xét. Án phí của bà C, ông K sẽ được tính như sau: số tiền ông K, bà C phải trả cho bà N là 2.839.800đ nên phải chịu án phí là:  $88.796.000đ/2 = 44.398000đ$ , do bà C được giảm 50% nên số tiền án phí bà C phải chịu là 22.199.000đ, ông K chịu 44398.000đ án phí sơ thẩm.

Đối với bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1957 là người cao tuổi nên được miễn đóng tạm ứng án phí theo qui định pháp luật.

Ông Nguyễn Phước K có đơn xin giải quyết vắng mặt, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Phước K.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 357, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, hiều, phường; Khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh N có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thanh H.

Buộc ông Nguyễn Phước K, bà Trần Thị C liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền nợ hui là 2.839.800.000đ (Hai tỷ tám trăm ba mươi chín triệu tám trăm ngàn đồng), trong đó vốn gốc là 2.416.860.000đ và tiền lãi là 422.940.000đ, lãi tính từ ngày 12/01/2017 đến ngày 12/12/2019. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ánh N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Phước K và bà Trần Thị C chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Về án phí: ông Nguyễn Phước K phải chịu 44.398.000đ án phí, bà Trần Thị C phải chịu 22.199.000đ (đã giảm 50%) án phí.

3/ Bà Nguyễn Thị Ánh N, Trần Thị C, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Phước K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Phan Thị Kim Thoa**